\* Ôn lại cách làm sao để update dữ liệu tại chỗ

- Cái mà mình đang sử dụng là?

+, jquery?(HỌC QUA TRANG W3SCHOOL, nhắc bản thân chỉ học ở trang này)

* Thư viện js
* Cần có kiến thức cơ bản về html, css, JavaScript
* Viết ít, làm nhiều: Write less, do more
* Thư viện chứa:
* Thao tác html/dom
* Thao tác Css
* Html event methods
* Hiệu ứng và hình ảnh động
* AJAX
* Tiện ích

+, Bắt đầu?

* $(document) là cú pháp chung
* Cài đặt:
* download thư viện
* đặt trong thẻ script
* có tác dụng cho chỉ trang này
* Cú pháp:
* Cơ bản: $(selector).action()
* Một $ để truy cập vào jQuery
* Một (selector) để tìm element trong html (là tất cả những gì ở trong tag, tag là thẻ)
* Action() mình muốn làm gì?
* Cần học Css cơ bản
* Document Ready Event
* $(this).hide(), $("p").hide(),$(".test").hide(), $("#test").hide() nằm trong document…
* $(document).ready(function(){

// jQuery methods go here…

});

* Ngăn không cho jQuery methods chạy trước khi document được loading
* function() {}
* Bộ chọn jQuery:
* Phần quan trọng nhất
* Chọn và vận dụng (select and manipulate) html element(s)
* Dựa vào tên, id, classes, types, attributes, values of attributes and much more.
* Css selector là gì? Mẫu; chọn element(s) mà mình muốn style, ví dụ: .class, #id, \*, element, element.class……….nhiều kinh khủng………..
* Bắt đầu $()
* “”
* p chọn tất cả element trong thẻ <p>
* #id, id=”test”
* .class
* \*
* p:first
* $(this) element html hiện tại
* More, minh họa <https://www.w3schools.com/jquery/trysel.asp>
* Nhiều selector, (“.class, #id”)
* Function In a Separate file, cho file html của mình vào src=””, trong <script src…
* jQuery Event Method:
* events là gì?
* Hành động của những người khách khác nhau, trang web có thể phản hồi được.
* Thể hiện khoảng khắc tóm tắt khi một cái gì đó xảy ra.
* Di chuyển chuột qua một element, chọn button radio, chọn một element.
* DOM events:

Mouse Events: click, dblclick, mouseenter, mouseleave

Keyboard Events: Keypress, keydown, keyup

Form Events: submit, change, focus, blur (làm mờ)

Document/Window Events: load, resize, scroll, unload

* Cú pháp
* Tương tự method, function bên trong
* $(document).ready()
* click(): function me trong
* dblclick(): function me, click đúp
* mouseenter(): function me, trỏ chạm element
* blur(): function me, sau click và thoát form (focus() nhập vào form)
* on(): một hoặc nhiều function me, click 1 element
* keypress(): click button, gõ bàn phím, function me
* method hóa function “”, chuẩn function () {}
* Hiệu ứng ẩn, hiện:
* Có hide, show, toggle , Slide, Fade, and Animate
* Toggle (to press a key or set of keys on a computer keyboard in order to turn a feature on or off, or to move from one program, etc. to another)
* method
* hide() ẩn element, show() hiện, optional là speed số unit ms or “slow”,” fast”, và callback, toggle ẩn, hiện, 2 optional
* fade In hiển thị element đã ẩn, callback là function được thực hiện sau khi hoàn thành fading (function cũng là optional) ,
* Out ẩn cái đã hiện,
* Toggle ẩn hiện so le
* To phải có speed và opacity mới (khoảng 0 đến 1), dừng hình trong khi đang được làm mờ.
* Slide, create sliding effect on element
* Down hiển thị element buông rèm, optional callback, speed
* Up lên
* Toggle
* Animation, optional là speed, callback, left: ‘250px’ (animate cho element sang trái cách 250px).
* .animate()
* Manipulate Multiple Property, áp dụng cho nhiều thuộc tính, thuộc tính để trong ngoặc nhọn, viết theo kiểu dict, gồm left, opacity, height, width.
* Tất cả thuộc tính Css sử dụng được, chỉ cần bỏ dấu gạch ngang
* Color animation cần download nếu muốn animate
* Thay đổi giá trị hiện tại của thuộc tính, +=
* Có thể đặt giá trị property là show, hide, toggle
* Nhiều animate nhưng thực hiện lần lượt.
* Cách viết thứ hai cho optional là để trong ngoặc nhọn kết hợp để ngoài
* Stop dừng animation, sliding, fading.
* Optional
* stopAll animation queue có được chạy hay không, false là có
* gotoEnd, default là false.
* jQuery Callback Function.
* Có nó thì nó chỉ thực hiện khi lệnh bên trên đã thực hiện xong
* Cú pháp: nó là cái function được gọi thêm lần nữa, nếu không có nó thì alert hiện trước khi element bị xóa.
* Từ mới tiếng Anh
* Demonstrate chứng minh
* Overview tổng quát
* Visibility hiển thị
* Slide trình chiếu
* Camel lạc đà
* Reference quy chiếu
* Markup đánh dấu
* Index vị trí của thẻ
* Hiểu đoạn code update:
* jQuery text() Method:
* sets hoặc return nội dung text của element được chọn và có thể là cả index.
* mẹo: set và return innerHTML (text HTML markup
* index và currentcontent, function(index){return “content” + index;})
* đặt biến var input được gán với ký tự mà bên trong là thẻ input, thẻ gồm các thuộc tính type=’text’, class được đặt tên, value là giá trị của biến value được khai báo ‘”+value+”’,
* .form-control cho form để mà nhập
* $(this).html(input):
* Set hoặc return content của element (content không phải text)
* Return nội dung của element phù hợp đầu tiên
* Set ghi đè content trên tất cả element phù hợp
* Có 3 cú pháp
* $(selector).html()
* $(selector).html(content)
* $(selector).html(function(index, currentcontent))
* html(input)
* remove()(“edittable”) xóa
* val() return or set thuộc tính value của element\
* parent() return element cha của element được chọn
* DOM tree là thuật ngữ để ta hình dung về quan hệ con cháu, tổ tiên (ancestor) của những element.
* Dấu . và : của :first trong selector có vai trò như nhau.
* parent(“the cha”)
* .addClass() thêm tên class (kèm cả thuộc tính của nó)
* $(selector).addClass(classname, function(index, currentclass)
* .data()
* Thử áp dụng fade cho nút update.